TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 139/2019/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 31 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 176/2019/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Trung K,** sinh năm: 1984.

ĐKNKTT và chỗ ở: T612, tổ dân phố Đường 5, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Vũ Thị H,** sinh năm: 1986.

ĐKNKTT và chỗ ở: T612, tổ dân phố Đường 5, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Trung K và chị Vũ Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh K và chị H xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Hoàng A, sinh ngày 27/11/2008 và Nguyễn Vũ Hoàng M, sinh ngày 26/12/2013. Anh K và chị H thống nhất để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Hoàng A và Hoàng M, anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là 10.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Hoàng A, Hoàng M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Anh K có quyền, nghĩa vụ đi lại chăm sóc nuôi d- ỡng con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Trung K tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng anh K đã nộp tạm ứng án phí HN&GĐST ngày 23/4/2019 theo biên lai số AA/2010/4373 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G;
- THADS huyện G;
- UBND xã D, G, Hà Nội (GCNKH số 123/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).